

Số: /QĐ-TCĐLTTP

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BUỘC THÔI HỌC HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BGD-ĐT-TCCB ngày 07 tháng 01 năm 2002 về việc thành lập Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 5905/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 361/QĐ-TCĐLTTP ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm về việc ban hành Quy chế đào tạo trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm về việc ban hành Quy chế đào tạo trung cấp, cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế đào tạo trung cấp, cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả đăng ký khối lượng học tập học kỳ 2 năm học 2025-2026;

Căn cứ thời hạn học tại trường của học sinh, sinh viên khóa 2021-2023; 2022-2024;

Căn cứ biên bản họp xét kết quả học tập ngày 23/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Buộc thôi học trả về địa phương đối với 166 học sinh, sinh viên hệ chính quy do không đăng ký học tập trong học kỳ 2 năm học 2025-2026; do cảnh báo học tập vượt quá 2 lần liên tiếp; do vượt quá thời hạn học tại trường, cụ thể:

I. Buộc thôi học do không đăng ký học tập học kỳ 2 năm học 2025-2026: 54 HSSV, cụ thể:

1. Trình độ cao đẳng: 37 sinh viên

a. Khóa 2024-2027: 09 sinh viên, trong đó:

- Nghề Công nghệ thực phẩm (lớp 24C): 01

- Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn (lớp 24CM1 và 24CM2): 06

- Nghề Quản trị khách sạn (lớp 24KS): 02
- b. Khóa 2025-2028: 28 sinh viên, trong đó:
 - Nghề Công nghệ thực phẩm (lớp 25C): 03
 - Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn (lớp 25CM1 và 25CM2): 13
 - Nghề Hướng dẫn du lịch (lớp 25DL): 10
 - Nghề Quản trị khách sạn (lớp 25KS): 02
- 2. Trình độ trung cấp – khóa 2025-2027: 17 học sinh, trong đó:
 - Nghề Kỹ thuật làm bánh (lớp 25T-B1): 04
 - Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn (lớp 25T-CM1, 25T-CM2): 07
 - Nghề Công nghệ thông tin - ứng dụng phần mềm (lớp 25T-I1): 01
 - Nghề Hướng dẫn du lịch (lớp 25T-DL1): 05
- II. Buộc thôi học do cảnh báo học tập vượt quá 2 lần liên tiếp (03 lần liên tiếp): **02** sinh viên, cụ thể:
 - Nghề Công nghệ thực phẩm (lớp 24C): 01
 - Nghề Quản trị khách sạn (lớp 24KS): 01
- III. Buộc thôi học do vượt quá thời hạn học tại trường: **110** học sinh, sinh viên, cụ thể:
 - a. Trình độ trung cấp, khóa 2021-2023: 109 học sinh
 - Nghề Kế toán doanh nghiệp (lớp 21T-A1): 11
 - Nghề Công nghệ thực phẩm (lớp 21T-C1): 01
 - Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn (lớp 21T-CM1, 21T-CM2, 21T-CM3): 28
 - Nghề Hướng dẫn du lịch (lớp 21T-DL1): 04
 - Nghề Công nghệ thông tin - ứng dụng phần mềm (lớp 21T-I1, 21T-I2, 21T-I3): 35
 - Nghề Nghiệp vụ nhà hàng (lớp 21T-NH1, 21T-NH2): 30
 - b. Trình độ cao đẳng đào tạo liên thông, khóa 2022-2024: 01 sinh viên, nghề Công nghệ thực phẩm (lớp 22LTC1)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, trung tâm, khoa và các học sinh, sinh viên có tên trong danh sách kèm theo căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT (Tuyên).

Nguyễn Văn Đức

**DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN BUỘC THÔI HỌC
DO KHÔNG ĐĂNG KÝ KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP HK 2 NH 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐLTTP ngày tháng 3 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm)

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Lớp	Ghi chú
Trình độ: Cao đẳng					
Khóa 2024-2027					
Nghề Công nghệ thực phẩm					
1	24CC010004	Hoàng Hữu	Đức	24C	
Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn					
1	24CC160029	Nguyễn Văn Trọng	Quý	24CM1	
2	24CC160034	Bùi Thanh	Trọng	24CM1	
3	24CC160041	Nguyễn Thế	Anh	24CM2	
4	24CC160043	Nguyễn Phương	Huy	24CM2	
5	24CC160045	Huỳnh Trọng	Nghĩa	24CM2	
6	24CC160054	Nguyễn Đăng	Phương	24CM2	
Nghề Quản trị khách sạn					
1	24CC130019	Lê Minh	Đạt	24KS	
2	24CC130030	Phạm Nguyễn Cẩm	Nhi	24KS	
Khóa 2025-2028					
Nghề Công nghệ thực phẩm					
1	25CC010043	Biện Trần Gia	Huy	25C	
2	25CC010024	Huỳnh Tuấn	Nguyên	25C	
3	25CC010041	Mai Văn	Trình	25C	
Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn					
1	25CC160007	Nguyễn Công	Danh	25CM1	
2	25CC160008	Nguyễn Thanh	Đoàn	25CM1	
3	25CC160015	Võ Quốc	Huy	25CM1	
4	25CC160020	Trương Trương Anh	Kiệt	25CM1	
5	25CC160050	Trần Xuân	Năng	25CM1	
6	25CC160031	Trương Ngọc Bảo	Nhi	25CM1	
7	25CC160032	Nguyễn Đình	Pháp	25CM1	
8	25CC160039	Nguyễn Khoa Duy	Thanh	25CM1	
9	25CC160040	Nguyễn Hữu	Thịnh	25CM1	
10	25CC160044	Huỳnh Hồ Thùy	Trang	25CM1	
11	25CC160055	Hồ Minh	Đạt	25CM2	
12	25CC160077	Trần	Nhân	25CM2	

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Lớp	Ghi chú
13	25CC160097	Nguyễn Mạnh	Trung	25CM2	
Nghề: Hướng dẫn du lịch					
1	25CC150001	Hoàng Quang	Bảo	25DL	
2	25CC150002	Phạm Hà Duy	Bảo	25DL	
3	25CC150004	Trần Gia	Bảo	25DL	
4	25CC150005	Lê Khắc	Cường	25DL	
5	25CC150006	Phùng Văn	Đạt	25DL	
6	25CC150008	Phan Văn	Lực	25DL	
7	25CC150009	Trần Trông	Min	25DL	
8	25CC150015	Trần Đình	Phúc	25DL	
9	25CC150020	Huỳnh Tấn	Trường	25DL	
10	25CC150024	Nguyễn Văn Anh	Vũ	25DL	
Nghề Quản trị khách sạn					
1	25CC130021	Nguyễn Văn Gia	Huy	25KS	
2	25CC130022	Đào Tâm	Tuệ	25KS	
Trình độ: Trung cấp - khóa 2024-2026					
Nghề Kỹ thuật làm bánh					
1	25CT070002	Huỳnh Văn	Hung	25T-B1	
2	25CT070011	Lê Nữ Trúc	Quỳnh	25T-B1	
3	25CT070015	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	25T-B1	
4	25CT070016	Hoàng Thị Bích	Trâm	25T-B1	
Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn					
1	25CT160019	Đoàn Thái	Min	25T-CM1	
2	25CT160020	Trương Hoàng	Nam	25T-CM1	
3	25CT160033	Phạm Trần Anh	Thư	25T-CM1	
4	25CT160060	Phan Minh	Hoàng	25T-CM2	
5	25CT160068	Phạm Gia	Huy	25T-CM2	
6	25CT160071	Lê Thị Tuyết	Mai	25T-CM2	
7	25CT160086	Đặng Thành	Thuận	25T-CM2	
Nghề Công nghệ thông tin - UDPM					
1	25CT050027	Nguyễn Quang	Trường	25T-I1	
Nghề: Hướng dẫn du lịch					
1	25CT150004	Nguyễn Văn Trung	Hiếu	25T-DL1	
2	25CT150005	Trần Phạm Anh	Khoa	25T-DL1	
3	25CT150010	Bùi Hạ	Nhi	25T-DL1	
4	25CT150011	Trần Duy	Tấn	25T-DL1	
5	25CT150019	Văn Lê Phương	Vy	25T-DL1	

Tổng số HSSV trong danh sách: 54

**DANH SÁCH SINH VIÊN BUỘC THỜI HỌC
DO CẢNH BÁO HỌC TẬP VƯỢT QUÁ 2 LẦN LIÊN TIẾP**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCĐLTTP ngày tháng 3 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm)

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
Trình độ: Cao đẳng - Khóa 2024-2027				
Nghề Công nghệ thực phẩm				
1	24CC010033	Lê Hữu Thiên	24C	
Nghề Quản trị khách sạn				
1	24CC130029	Lê Võ Hồng Đăng	24KS	

**DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN BUỘC THỜI HỌC
DO VƯỢT QUÁ THỜI HẠN HỌC TẠI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐLTTP ngày tháng 3 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm)

Stt	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP - KHÓA 2021-2023				
1	21CT010001	Phạm Nguyễn Phi Anh	08/07/2006	21T-A1
2	21CT160085	Nguyễn Lưu Quốc Bảo	17/05/2006	21T-A1
3	21CT050058	Hồ Thăng Nhật	31/03/2006	21T-A1
4	21CT140018	Phùng Thị Yên Nhi	31/01/2006	21T-A1
5	21CT050059	Đỗ Lê Như	19/07/2006	21T-A1
6	21CT050064	Đoàn Văn Phúc	06/08/2006	21T-A1
7	21CT020009	Đình Thị Tâm	27/06/2006	21T-A1
8	21CT160075	Mai Phương Thu Thảo	03/07/2006	21T-A1
9	21CT160135	Lê Ngọc Bảo Trân	10/03/2006	21T-A1
10	21CT140027	Mai Thị Kim Tuyền	17/01/2006	21T-A1
11	21CT010023	Ngô Tuấn Vũ	09/03/2006	21T-A1
12	21CT010030	Lê Thị Mai Phương	25/09/2003	21T-C1
13	21CT160001	Huỳnh Thị Châu	27/05/2005	21T-CM1
14	21CT160005	Lê Minh Đạt	02/02/2006	21T-CM1
15	21CT160014	Trần Nguyễn Minh Huy	10/04/2005	21T-CM1
16	21CT160134	Đặng Sỹ Nguyên	20/12/2006	21T-CM1
17	21CT140019	Trần Thị Cẩm Phương	26/05/2006	21T-CM1
18	21CT160148	Lê Quang Triều	27/04/2006	21T-CM1
19	21CT160032	Mai Xuân Trúc	16/02/2006	21T-CM1
20	21CT160040	Hoàng Thị Thảo Vy	08/05/2006	21T-CM1
21	21CT050087	Vân Duy An	30/09/2006	21T-CM2
22	21CT160041	Đặng Văn Bảo	02/10/2006	21T-CM2
23	21CT160046	Lê Việt Duy	09/11/2006	21T-CM2
24	21CT160143	Phạm Vũ Duy	20/09/2005	21T-CM2
25	21CT160052	Nguyễn Phú Hoàng	12/03/2006	21T-CM2
26	21CT160054	Thi Lý Hùng	08/10/2006	21T-CM2
27	21CT160136	Trần Minh Khoa	16/11/2006	21T-CM2
28	21CT160059	Phạm Văn Minh	19/08/2006	21T-CM2
29	21CT160060	Nguyễn Văn Ngọc	02/03/2006	21T-CM2
30	21CT160067	Nguyễn Thị Thanh Phương	10/11/2005	21T-CM2
31	21CT160077	Mai Anh Tuấn	04/10/2006	21T-CM2
32	21CT160130	Trần Thanh Văn	17/12/2006	21T-CM2
33	21CT160132	Nguyễn Văn Việt	27/02/2006	21T-CM2
34	21CT160102	Trần Văn Long	04/04/2006	21T-CM3
35	21CT160107	Trần Hải Nhật	16/04/2006	21T-CM3

Stt	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp
36	21CT160140	Lê Minh Nhựt	13/02/2006	21T-CM3
37	21CT160109	Đặng Thị Kim Phúc	24/01/	21T-CM3
38	21CT160141	Phan Văn Phúc	18/07/2005	21T-CM3
39	21CT160118	Đỗ Khắc Triều	18/12/2006	21T-CM3
40	21CT160119	Lê Quang Trung	10/11/2006	21T-CM3
41	21CT150001	Nguyễn Bá Hùng	12/12/2006	21T-DL1
42	21CT150002	Tăng Quốc Huy	14/04/2006	21T-DL1
43	21CT150015	Mai Thị Kim	09/11/2006	21T-DL1
44	21CT150012	Nguyễn Phương Thùy	16/07/2006	21T-DL1
45	21CT050098	Nguyễn Di	25/07/2006	21T-I1
46	21CT160045	Mai Đăng Dũng	05/02/2006	21T-I1
47	21CT050008	Ngô Văn Duy	30/07/2006	21T-I1
48	21CT050005	Huỳnh Đăng Đạt	01/08/2006	21T-I1
49	21CT050013	Nguyễn Lê Văn Hòa	29/07/2006	21T-I1
50	21CT050169	Nguyễn Bích Hoàng	04/09/1998	21T-I1
51	21CT050014	Đỗ Minh Huy	03/03/2006	21T-I1
52	21CT050018	Lê Đức Lộc	29/04/2006	21T-I1
53	21CT050167	Trần Gia Luật	07/09/2004	21T-I1
54	21CT050171	Phạm Ngọc Mừng	01/09/2006	21T-I1
55	21CT050026	Nguyễn Đình Phúc	12/11/2006	21T-I1
56	21CT050027	Lê Phan Nhật Quốc	03/10/2006	21T-I1
57	21CT050032	Phạm Văn Thái	27/08/2006	21T-I1
58	21CT050034	Nguyễn Sanh Phúc Thiện	31/10/2006	21T-I1
59	21CT050099	Võ Nhật Trường	02/01/2006	21T-I1
60	21CT050050	Lê Hà Doãn Hưng	16/09/2006	21T-I2
61	21CT050053	Lê Huỳnh Bảo Khanh	04/04/2006	21T-I2
62	21CT050055	Thái Thanh Lân	17/05/2006	21T-I2
63	21CT050057	Nguyễn Quốc Duy Linh	14/03/2006	21T-I2
64	21CT050084	Nguyễn Thị Thu Linh	28/05/2006	21T-I2
65	21CT050063	Phùng Thanh Phong	07/09/2006	21T-I2
66	21CT050072	Lê Văn Tiên	04/11/2006	21T-I2
67	21CT050166	Nguyễn Mạnh Trung	06/10/2006	21T-I2
68	21CT050074	Mai Văn Trường	27/01/2006	21T-I2
69	21CT050075	Lê Huỳnh Anh Tuấn	27/11/2006	21T-I2
70	21CT050076	Nguyễn Văn Tuấn	25/05/2006	21T-I2
71	21CT050078	Phạm Ngọc Tùng	29/06/2006	21T-I2
72	21CT010026	Nguyễn Thành Win	06/12/2005	21T-I2
73	21CT050163	Ngô Minh Chiến	26/09/2005	21T-I3
74	21CT050115	Phạm Kỳ Hải	12/12/2004	21T-I3
75	21CT050130	Cái Hoàng Quốc Sỹ	02/11/2005	21T-I3
76	21CT050135	Huỳnh Thu Thảo	14/11/2005	21T-I3
77	21CT050140	Nguyễn Ngọc ái Trâm	27/05/2005	21T-I3
78	21CT050106	Lương An Triều	07/04/2005	21T-I3
79	21CT050148	Đặng Lê Hoàng Vỹ	21/07/2005	21T-I3
80	21CT140003	Nguyễn Văn Đa	08/04/2006	21T-NH1

Stt	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp
81	21CT140006	Nguyễn Duy Hoàng	04/07/2006	21T-NH1
82	21CT140008	Dương Thị Mỹ Kiều	26/06/2006	21T-NH1
83	21CT140015	Huỳnh Thị Yên Nhi	25/12/2006	21T-NH1
84	21CT140016	Nguyễn Thị ý Nhi	12/04/2006	21T-NH1
85	21CT140024	Trần Quang Thiện	09/04/2006	21T-NH1
86	21CT140029	Lê Thúy Vy	29/03/2006	21T-NH1
87	21CT140033	Trần Thị Như ý	03/01/2006	21T-NH1
88	21CT140040	Nguyễn Thị Xuân Duyên	06/05/2005	21T-NH2
89	21CT140058	Trần Thị Thanh Hằng	24/10/2005	21T-NH2
90	21CT140060	Trần Đại Hiệp	06/12/2005	21T-NH2
91	21CT140061	Huỳnh Thị Ngọc Hiếu	22/09/2005	21T-NH2
92	21CT140065	Nguyễn Hữu Nhật Huy	19/10/2005	21T-NH2
93	21CT140066	Nguyễn Minh Huy	11/09/2005	21T-NH2
94	21CT140068	Trần Thị Thu Huyền	11/12/2004	21T-NH2
95	21CT140069	Huỳnh Thị Kim Khánh	12/12/2005	21T-NH2
96	21CT140074	Lê Thị Mi	14/02/2005	21T-NH2
97	21CT140075	Nguyễn Thị Ngà	11/10/2005	21T-NH2
98	21CT140076	Nguyễn Ngọc Ngữ	14/11/2005	21T-NH2
99	21CT140079	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17/05/2005	21T-NH2
100	21CT140090	Hà Văn Phú	07/12/2005	21T-NH2
101	21CT140083	Nguyễn Hữu Sơn	10/10/2005	21T-NH2
102	21CT140085	Đặng Hữu Tâm	30/05/2005	21T-NH2
103	21CT140088	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/07/2005	21T-NH2
104	21CT140049	Dương Quang Thắng	19/10/2005	21T-NH2
105	21CT140086	Hồ Văn Thắng	13/04/2003	21T-NH2
106	21CT140091	Trần Văn Thùy	01/01/2005	21T-NH2
107	21CT140094	Cao Kiều Tuyết Trinh	01/01/2005	21T-NH2
108	21CT140096	Cao Xuân Tường Vy	02/05/2005	21T-NH2
109	21CT140097	Lê Thị Tường Vy	04/04/2004	21T-NH2
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG - KHÓA 2022-2024				
1	22LC010018	Đặng Văn Đức	05/11/1992	22LTC1

Tổng số HSSV trong danh sách: 110